

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST
Ngày 02/4/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị B

Địa chỉ: 93, phường Y, thành phố P, tỉnh G(*có mặt*).

- Bị đơn: Anh Lê Anh Q và chị Hoàng Thị T.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Ia, huyện I, tỉnh G.

(*Anh Lê Anh Q có mặt, chị Hoàng Thị T vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị B trình bày: Ngày 03/7/2018 bà cho anh Lê Anh Q và chị Hoàng Thị T vay 50.000.000đ với lãi suất thoả thuận là 3%/tháng, hẹn đến ngày 28/10/2018 sẽ trả tiền gốc và lãi. Tiếp đến ngày 07/8/2018 bà cho anh Q và chị T vay tiếp số tiền 100.000.000đ với lãi suất thoả thuận là 3%/tháng hẹn đến ngày 15/10/2018 sẽ trả đủ gốc và lãi.

Tuy nhiên khi đến hạn, bà đi đòi nhiều lần nhưng anh Q và chị T cố tình trốn tránh không trả tiền gốc và lãi như đã cam kết. Nay bà yêu cầu anh Lê Anh Q và chị Hoàng Thị T trả số tiền gốc 150.000.000đ và chỉ trả tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/11/2018 cho đến trả xong nợ.

Toà án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng để bị đơn anh Lê Anh Q và chị Hoàng Thị T thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Toà án.

Tại phiên toà anh Lê Anh Q trình bày: Việc anh và vợ là chị Hoàng Thị T có vay hai lần tiền tổng cộng là 150.000.000đ của bà Đỗ Thị B là có thật. Khi vay hai bên có thoả thuận lãi suất và trả lãi nhưng anh không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Nay do điều kiện kinh tế khó khăn anh và chị T không có để trả cho bà B, anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án.

Về nội dung, áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải liên đới trả cho nguyên đơn 150.000.000đ tiền gốc và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn kiện bị đơn trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi đã vay theo quy định của pháp luật. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Hoàng Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, do vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Tài liệu nguyên đơn giao nộp gồm hai tờ giấy có tiêu đề “Giấy mượn tiền”. Một giấy lập ngày 20/5/2018 âm lịch (03/7/2018) có chữ ký tên Lê Anh Quỳnh và Hoàng Thị T thể hiện: Anh Q và chị T vay của bà B số tiền 50.000.000đ, thời gian trả 20/9/2018 âm lịch (28/10/2018 dương lịch). Một giấy lập ngày 26/6/2018 âm lịch (07/8/2018 dương lịch) có chữ ký tên Lê Anh Q và Hoàng Thị T thể hiện: anh Quỳnh và chị T vay của bà B số tiền 100.000.000đ, thời gian trả 07/9/2018 âm lịch (15/10/2018 dương lịch). Các tài liệu nói trên chỉ thể hiện số tiền vay, thời hạn trả nhưng không thể hiện có việc thoả thuận trả lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự

đều thừa nhận có thoả thuận lãi suất của hai lần vay, do vậy đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi quy định tại Điều 463, khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.1]. Về yêu cầu kiện đòi nợ gốc: Ngày 03/7/2018 bị đơn vay 50.000.000đ của nguyên đơn thoả thuận thời hạn trả là ngày 28/10/2018, ngày 07/8/2018 bị đơn vay 100.000.000đ của nguyên đơn thoả thuận thời gian trả là ngày 15/10/2018. Khi đến hạn bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ như đã thoả thuận là vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy ngày 23/10/2020 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc của hai lần vay là có căn cứ pháp luật.

[2.2]. Về tiền lãi: Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên toà nguyên đơn cho rằng có thoả thuận trả lãi, bị đơn anh Lê Anh Q cùng thừa nhận là có trả lãi cho nguyên đơn nhưng không nhớ rõ lãi suất là bao nhiêu. Nên đây thuộc trường hợp có thoả thuận lãi nhưng không rõ lãi suất và có tranh chấp nên áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự kể từ khi xác lập hợp đồng. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả kể từ ngày 01/11/2018 cho đến khi trả xong nợ theo quy định của pháp luật. Do vậy bị đơn chỉ phải thanh toán tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán nợ gốc. Cụ thể: lãi chậm thanh toán = $150.000.000\text{đ (nợ gốc)} \times 10\%/năm (0,83\%/tháng) \times \text{thời gian chậm trả (01/11/2018 đến ngày xét xử ngày 02/4/2021)} = 36.328.767\text{đ}$.

[2.3]. Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền gốc và lãi chậm thanh toán là $150.000.000\text{đ (nợ gốc)} + 36.328.767\text{đ (lãi)} = 186.328.767\text{đ}$.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định là $186.328.767\text{đ} \times 5\% = 9.316.433\text{đ}$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 280, 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị B;

2. Anh Lê Anh Q và chị Hoàng Thị T phải liên đới trả cho bà Đỗ Thị B 150.000.000đ tiền gốc và 36.328.767đ tiền lãi, tổng cộng là **186.328.767đ** (Một trăm tám mươi sáu triệu ba trăm hai mươi tám sáu trăm bảy mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Anh Lê Anh Q và chị Hoàng Thị T phải liên đới chịu **9.316.433đ** (chín triệu ba trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng).

Trả lại cho bà Đỗ Thị B toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là **4.750.000đ** (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011689 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Đỗ Thị B và anh Lê Anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Chí Công